

Số: 43/2016/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với xe ô tô, xe mô tô, phương tiện thủy trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định niên hạn đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người;

Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị định số 23/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 140/2013/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với xe ô tô, xe mô tô, phương tiện thủy trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp như sau:

1. Thay thế Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND bằng Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với xe mô tô, phương tiện thủy trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (có Phụ lục kèm theo).

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 2 như sau:

“4. Đối với các loại xe ô tô, xe mô tô, phương tiện thủy nhập khẩu mà tại thời điểm đăng ký trước bạ không có trong Bảng giá nêu tại Điều 1 Quyết định này thì giá tính lệ phí trước bạ được xác định theo công thức dưới đây:

Giá tính lệ phí trước bạ bằng (=) giá nhập khẩu (theo giá tính thuế nhập khẩu mà cơ quan Hải quan đã xác định) tại cửa khẩu (CIF), cộng (+) thuế nhập khẩu, cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) thuế giá trị gia tăng theo chế độ quy định đối với loại tài sản tương ứng. Hoặc giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản này được xác định theo giá ghi trên hóa đơn bán hàng hợp pháp nếu cao hơn giá xác định theo công thức; trường hợp giá ghi trên hóa đơn thấp hơn giá xác định theo công thức thì giá tính lệ phí trước bạ là giá được xác định theo công thức nêu trên”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH đơn vị Tỉnh;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT/UBND Tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Công Thông tin Điện tử Tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: VT, KTTH.HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Châu Hồng Phúc